

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-09-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 12 tháng 09 N 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/06/2022 về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/08/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST-DS, ngày 22/08/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1985 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Chị **Cao Thị H**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/06/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Vào năm 2004 qua quen biết anh và chị Cao Thị H có tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/12/2006.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian, hạnh phúc kéo dài đến tháng 11 năm 2017 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, sống

không hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, vợ bỏ nhà ra đi không có sự đồng ý của anh, không biết đi đâu. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, hạnh phúc không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Cao Thị H.

Về con chung: Có con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/12/2006, hiện tại con đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Cao Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ngày 02/08/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N xin vắng mặt và có ý kiến như sau: Anh Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Cao Thị H. *Về con chung:* Có con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/12/2006, hiện tại con đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con*”; bị đơn chị Cao Thị H cư trú tại xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt; bị đơn chị Cao Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết anh N và chị H có tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 30/12/2006, do đó hôn nhân của anh N và chị H là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Anh Nguyễn Văn N trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được 01 thời gian, hạnh phúc kéo dài đến tháng 11 năm 2017 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, sống không hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, vợ bỏ nhà ra đi không có sự đồng ý của anh, không biết đi đâu. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, hạnh phúc không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Cao Thị H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, hiện tại anh N và chị H đã sống ly thân, chị H không biết ở đâu, cũng không thông báo cho anh N biết, không cùng anh N chăm lo cho con, để mặc anh N nuôi 2 con chung, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Qua đó cho thấy hôn nhân của chị anh N và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Cao Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “...*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. Về con chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn N khai có con chung là Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/12/2006.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không*

thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì pH xem xét nguyện vọng của con”. Anh Nguyễn Văn N là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị Cao Thị H chưa có văn bản nêu ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung, hơn nữa cháu M có lời khai trình bày nguyện vọng được sống với anh Nguyễn Văn N.

Hiện tại anh Nguyễn Văn N đang nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và có nguyện vọng muốn sống chung với anh N. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn N là giao cháu Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/12/2006 cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn N nuôi con pH có nghĩa vụ tạo điều kiện, không cản trở chị Cao Thị H thực hiện quyền, nghĩa vụ của người cha là được thăm nom, chăm sóc con chung, nhằm giúp cho con chung của anh N và chị H được hỗ trợ về vật chất lẫn tinh thần giúp cháu phát triển, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Văn N chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, chị Cao Thị H cũng chưa có văn bản nào để trình bày về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh Nguyễn Văn N khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Cao Thị H cũng chưa có văn bản nào để trình bày về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Cao Thị H.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 20/12/2006 cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Chị Cao Thị H được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn N chưa yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Văn N khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn N pH nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0010881 ngày 10/06/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã B, huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo